

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/DS-ST
Ngày 30-6-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Sức.

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài là Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Hồng P, sinh năm 1976.

Cư trú ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:*

- Anh Trần Văn V, sinh năm 1972.

- Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1980.

Cùng cư trú tổ 05, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-10-2020 và bản tự khai, anh Lê Hồng P trình bày:

Do mối quan hệ cùng xóm, ngày 09-10-2019, anh P có bán vật liệu xây dựng cho anh V, chị H để xây dựng nhà ở. Sau khi xây dựng xong căn nhà thì anh V, chị

H còn nợ anh P số tiền 56.000.000 đồng. Ngày 16-5-2020, anh V chỉ trả được 3.000.000 đồng, còn lại 53.000.000 đồng thì ngưng đến nay.

Anh P yêu cầu anh V, chị H cùng trả tiền mua vật liệu xây dựng là 53.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 16-5-2020 đến khi xét xử.

Ý kiến của anh P tại phiên tòa: Anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh V, chị H và yêu cầu anh V, chị H trả tiền lãi chậm trả của số tiền 53.000.000 đồng theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 16-5-2020 đến khi xét xử là 13 tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Anh P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V, chị H không thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Anh P yêu cầu anh V, chị H trả tiền mua bán vật liệu xây dựng, phát sinh từ quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh P yêu cầu anh V, chị H trả tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 16-5-2020 đến khi xét xử. Chứng minh cho yêu cầu là phiếu thu ngày 16-5-2020 thể hiện anh V còn nợ 53.000.000 đồng. Việc anh V, chị H không trả tiền mua bán tài sản là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, anh P yêu cầu là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ Điều 430, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh P, buộc anh V, chị H phải trả cho anh P số tiền 53.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định của pháp luật. Duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời về phong tỏa tài sản và anh V, chị H chịu án phí.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Phiếu thu ngày 16-5-2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Anh P có đơn khởi kiện đối với anh V, chị H về yêu cầu trả tiền mua bán vật liệu xây dựng. Anh V, chị H có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án xác định là tranh chấp hợp đồng mua

bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh V, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh P cho rằng việc mua bán vật liệu xây dựng với anh V, chị H chỉ thỏa thuận bằng lời nói, được thực hiện theo phương thức giao hàng trước trả tiền sau, đối tượng của việc mua bán là vật liệu xây dựng để vợ chồng anh V, chị H xây dựng nhà ở. Qua đó, anh P đã thực hiện xong về nghĩa vụ giao tài sản nhưng anh V chưa trả đủ số tiền mua bán được xác định tại tờ phiếu thu ngày 16-5-2020 thể hiện nội dung anh V còn nợ tiền mua bán vật liệu xây dựng với anh P. Như vậy, giữa anh P với anh V, chị H có xác lập quan hệ hợp đồng mua bán tài sản là có thực tế xảy ra và phù hợp với quy định tại Điều 117, đoạn 1 Điều 430, Điều 431 Bộ luật dân sự năm 2015 thì anh P có quyền yêu cầu anh V, chị H là bên mua tài sản phải có nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản.

[3] Về nghĩa vụ trả tiền vốn mua vật liệu xây dựng:

Anh P cho rằng anh V, chị H còn nợ số tiền mua vật liệu xây dựng là 53.000.000 đồng kể từ ngày 16-5-2020, chứng minh cho yêu cầu bằng phiếu thu ngày 16-5-2020. Mặt khác, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi hòa giải, xét xử, Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh V, chị H vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ và những tình tiết do anh P đưa ra. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì anh P không cần phải chứng minh gì khác đối với số tiền 53.000.000 đồng mà anh V, chị H còn nợ phát sinh từ quan hệ mua bán theo tờ phiếu thu ngày 16-5-2020.

Tại tờ phiếu thu ngày 16-5-2020 thể hiện nội dung “anh V Bún, nộp tiền mua bán vật liệu xây dựng, công nợ 56.000.000 đồng, đã trả 3.000.000 đồng, còn lại 53.000.000 đồng”. Ngoài việc ghi nhận anh V còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng thì việc mua vật liệu xây dựng để cất nhà là đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên chị H phải có nghĩa vụ chung với anh V về tiền nợ mua vật liệu xây dựng số tiền 53.000.000 đồng. Theo quy định tại đoạn 1 Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án chấp nhận khởi kiện của anh P về yêu cầu anh V, chị H cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền 53.000.000 đồng.

[4] Anh P có yêu cầu trả lãi theo lãi suất quy định của pháp luật đối với số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ 53.000.000 đồng kể từ ngày 16-5-2020. Việc mua bán các bên không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền. Từ chỗ anh P giao tài sản xong thì anh V, chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả đủ tiền vào thời điểm nhận tài sản. Tuy nhiên, anh V, chị H chỉ trả được một số tiền, còn nợ

53.000.000 đồng kể từ ngày 16-5-2020 đến nay là chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong khoảng thời gian dài, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của anh P nên anh V, chị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả là phù hợp theo quy định Điều 357, khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, ngoài số tiền vốn 53.000.000 đồng thì anh V, chị H còn phải chịu tiền lãi của số tiền chậm trả được xác định như sau: số tiền chậm trả 53.000.000 đồng x lãi suất chậm trả 0,83%/tháng (10%/năm) x 13 tháng chậm trả = 5.278.000 đồng. Do đó, Tòa án chấp nhận khởi kiện của anh P về yêu cầu anh V, chị H có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi là 5.278.000 đồng của số tiền chậm trả 53.000.000 đồng kể từ ngày 16-5-2020 đến khi xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh P nên anh V, chị H phải chịu 2.913.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1, 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, khoản 1 Điều 430, Điều 431, Điều 357, khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hồng Phi đối với bị đơn anh Trần Văn V, chị Huỳnh Thị H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Anh Trần Văn V, chị Huỳnh Thị H phải liên đới trả cho anh Lê Hồng P số tiền vốn, lãi mua vật liệu xây dựng 58.278.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho anh Lê Hồng P số tiền tạm ứng án phí 1.325.000 đồng theo biên lai số: TU/2019/0001725 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Anh Trần Văn V, chị Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.913.000 đồng.

Anh P có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án.

Anh V, chị H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 17/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân